

**THỜI KHÓA BIỂU DỰ KIẾN LẦN 2 ĐỢT 5 HỌC BỔ SUNG BUỔI TỐI HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2025-2026**

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Tên lớp tín chỉ	Từ ngày	Đến ngày	Giảng viên	Thời gian
1	KT6501.1	Các loại hình kiến trúc đặc thù	1	KT6501.1_BS	6/4	3/5		Thứ 4(T13-16)
2	XD2901	Cơ học cơ sở 1	2	XD2901_BS	9/3 9/3	5/4 5/4	Nguyễn Thị Kiều	Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
3	XD3204	ĐA Kết cấu bê tông cốt thép 2	2	XD3204_BS	9/3 9/3	3/5 26/4		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
4	XD3204.1	ĐA Kết cấu bê tông cốt thép P2 (E)	2	Ghép_XD3204_BS	9/3 9/3	3/5 26/4		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
5	QL4725.1	ĐA QL1 - Quản lý công trình kiến trúc	2	QL4725.1_BS	9/3 9/3	3/5 26/4		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
6	XD2813	Đồ án công nghệ gốm xây dựng	2	Ghép_XD2832_BS	9/3 9/3	3/5 26/4		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
7	XD2832	Đồ án công nghệ gốm xây dựng	2	XD2832_BS	9/3 9/3	3/5 26/4		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
8	XD3202.2	Đồ án kết cấu BTCT 1	2	XD3202.2_BS	9/3 9/3	3/5 26/4		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
9	QL5003.1	Đồ án kinh tế đầu tư	2	QL5003.1_BS	9/3 9/3	3/5 26/4		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
10	KT0101.1	Hình học hoạ hình và vẽ kĩ thuật	2	KT0101.1_BS1	9/3 9/3	5/4 5/4		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
11	XD3002	Kết cấu và xây dựng 1	3	XD3002_BS	9/3 9/3	19/4 19/4		Thứ 5(T13-16)
12	MT8438	Kỹ thuật thủ công truyền thống	2	MT8438_BS	9/3 9/3	3/5 26/4		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
13	CT4002	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	CT4002_BS1	9/3 9/3	12/4 12/4		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
14	NM8020	Nghệ thuật ảnh	2	Ghép_MT80201_BS	9/3 9/3	3/5 26/4		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
15	MT80201	Nghệ thuật ảnh	2	MT80201_BS	9/3 9/3	3/5 26/4		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
16	QL5519	Phương pháp đo bóc khối lượng	2	Ghép_QL5012.1_BS	6/4 6/4	3/5 3/5		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
17	QL5012.1	Phương pháp đo bóc khối lượng	2	QL5012.1_BS	6/4 6/4	3/5 3/5		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
18	XD3001	Sức bền vật liệu 1	2	XD3001_BS	9/3 9/3	5/4 5/4		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
19	NM8206.1	Thiết kế nội thất 6	3	Ghép_NT82061_BS	9/3 9/3 9/3	5/4 3/5 3/5		Thứ 2(T13-16)Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
20	NT82061	Thiết kế nội thất 6	3	NT82061_BS	9/3 9/3 9/3	29/3 3/5 3/5	Nguyễn Thị Ngọc	Thứ 2(T13-16)Thứ 6(T13-16)Thứ 3(T13-16)

TT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Tên lớp tín chỉ	Từ ngày	Đến ngày	Giảng viên	Thời gian
21	DT2101	Thủy lực 1	2	DT2101_BS	9/3 9/3	5/4 5/4		Thứ 4(T13-16)Thứ 7(T13-16)
22	NN3703.1	Tiếng Anh chuyên ngành	2	NN3703.1_BS(NK)	9/3 9/3	5/4 5/4		Thứ 2(T13-16)Thứ 4(T13-16)
23	NN3701.1	Tiếng Anh P1	3	NN3701.1_BS	9/3 9/3	19/4 12/4		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
24	NN3702.1	Tiếng Anh P2	3	NN3702.1_BS	9/3 9/3	12/4 19/4		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)
25	NN3700.2	Tiếng Anh tăng cường P2	3	NN3700.2_BS	9/3 9/3	19/4 12/4		Thứ 3(T13-16)Thứ 6(T13-16)
26	CT3901.1	Triết học Mác - Lênin	3	CT3901.1_BS1	9/3 9/3	3/5 26/4		Thứ 2(T13-16)Thứ 5(T13-16)

Danh sách có 26 lớp học phần.